

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo quyết định số 651/QĐ-CDKTKT ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề: Chăm sóc sắc đẹp

Mã ngành, nghề: 5810404

Trình độ: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp Trung học cơ sở (THCS) hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chăm sóc sắc đẹp là ngành, nghề mà người hành nghề thực hiện chăm sóc các dịch vụ thiết yếu như chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm thẩm mỹ; tư vấn chăm sóc khách hàng; quản lý vận hành cơ sở làm đẹp, nâng cao tay nghề và cập nhật công nghệ máy móc phù hợp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật công nghệ đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Người làm việc trong lĩnh vực ngành, nghề Chăm sóc sắc đẹp trực tiếp tham gia chăm sóc da, thiết kế các bộ móng nghệ thuật, trang điểm nghệ thuật theo xu hướng của thời đại, vận hành, phát triển kinh doanh dịch vụ, quản lý nhân sự và các bộ phận kỹ thuật viên trực tiếp hành nghề trong điều kiện an toàn đảm bảo về dịch tễ. Họ có thể đảm nhiệm vai trò, chức trách của cán bộ quản lý, kỹ thuật viên trong các trung tâm làm đẹp, tự thành lập và làm chủ cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

1.2.1.1. Kiến thức đại cương

- Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng CSVN, pháp luật của Nhà nước Việt Nam;

- Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam;

- Nhận thức được những vấn đề về quốc phòng an ninh trong tình hình mới.

1.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

- Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;

- Trình bày được ý nghĩa và lịch sử phát triển của ngành làm đẹp, tổng quan sự phát triển các phong cách làm đẹp trên thế giới;

- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;

- Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;



- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- Phân tích, lựa chọn được biện pháp chăm sóc sắc đẹp phù hợp với đối tượng cụ thể;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc da, tóc, móng cơ bản;
- Thực hiện thành thạo các bước trang điểm từ cơ bản đến nâng cao;
- Thiết kế, tạo mẫu được các kiểu tóc, móng thời trang và ấn tượng theo chủ đề hoặc theo sở thích;

sở thích;

- Thực hiện thành thạo kỹ thuật massage bấm huyệt cơ bản.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Lựa chọn được các sản phẩm chăm sóc da phù hợp với từng loại da;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc da: chăm sóc da mặt, da toàn thân;
- Phân biệt được các loại mặt nạ chăm sóc da;
- Phân tích được các loại da, tình trạng da và tác dụng của chăm sóc da;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc móng, thiết kế tạo hình móng;
- Thực hiện thành thạo quy trình trang điểm thẩm mỹ theo đúng yêu cầu;
- Thực hiện thành thạo quy trình massage, bấm huyệt;
- Thực hiện thành thạo các thao tác Massage chăm sóc da và chăm sóc toàn thân;
- Sử dụng an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;
- Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;
- Giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn tại các bộ phận dịch vụ của cơ sở làm đẹp.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Rèn luyện kỹ năng chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả;
- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách hàng;
- Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp đạt trình độ tương đương A2 (khung năng lực 6 bậc Việt Nam);
- Ứng dụng các kỹ năng tin học vào công việc đạt trình độ tương đương IC3 (sử dụng máy tính và Internet) hoặc kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản (theo quy định thông tư 03/2014/TT-BTTTT ban hành ngày 11/3/2014);
- Đạt chứng nhận Kỹ năng mềm.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;
- Tôn trọng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp;
- Thân thiện, cởi mở, sẵn sàng phục vụ và đảm bảo an toàn sức khỏe, tính mạng của khách hàng;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp;

- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong quá trình tác nghiệp.

- Tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp: Tôn trọng sự khác biệt, tính đa dạng của các nền văn hóa khác nhau trong tạo mẫu, trung thực, không sao chép mẫu thiết kế của người khác.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón, chăm sóc khách hàng;
- Tư vấn chăm sóc sắc đẹp;
- Chăm sóc da mặt
- Chăm sóc da toàn thân;
- Chăm sóc móng;
- Thiết kế tạo hình móng nghệ thuật;
- Trang điểm;
- Massage, bấm huyệt;
- Thiết lập, vận hành cơ sở làm đẹp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 12, mô đun: 11
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 57 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1215 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 465 giờ; Khối lượng Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 992 giờ; Kiểm tra: 43 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã môn học/mô đun	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Trong đó			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập /thí nghiệm /bài tập /thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	96	146	13
MH2108019	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
MH2108103	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH2109105	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH2109020	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH2101201	Tin học	2	45	15	29	1
MH2072101	Tiếng Anh	4	90	32	54	4

BM07a/QT/10/P.ĐT

II	Các môn học, mô đun chuyên môn:	43	1215	340	849	26
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	11	195	146	43	6
MĐ2062230	Vẽ mỹ thuật	3	75	30	43	2
MH2062231	Thẩm mỹ học	2	30	29	0	1
MH2062232	Tổng quan về ngành chăm sóc sắc đẹp	2	30	29	0	1
MH2062233	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30	29	0	1
MH2062234	Anh văn chuyên ngành	2	30	29	0	1
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	29	945	164	761	20
MĐ2062235	Kỹ thuật chăm sóc da cơ bản	3	75	30	43	2
MĐ2062236	Kỹ thuật chăm sóc da nâng cao	3	105	15	87	3
MĐ2062237	Chăm sóc-Tạo mẫu tóc cơ bản	3	105	15	87	3
MĐ2062238	Kỹ thuật massage	3	75	15	58	2
MĐ2062239	Chăm sóc móng cơ bản	2	60	15	43	2
MĐ2062240	Đắp móng - Vẽ tạo hình móng	2	60	15	43	2
MĐ2062241	Kỹ thuật trang điểm cơ bản	2	60	15	43	2
MĐ2062242	Kỹ thuật trang điểm nâng cao	3	105	15	87	3
MH2062243	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30	29	0	1
MĐ2062244	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	5	105	59	43	3
MĐ2062245	Khoá luận	5	225	0	225	0
MH2062246	Quản lý spa	2	30	29	0	1
MĐ2062247	Nhuộm -Tạo mẫu tóc	3	75	30	43	2
Tổng cộng		57	1500	465	993	42